

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10-4-2026

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Phạm Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Hoàng L**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: **Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng.**

- Bị đơn: Anh **Đinh Văn D**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: **Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng.**

*(Chị **L** có mặt, anh **D** vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị **Nông Hoàng L** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **D** tự nguyện đến với nhau năm 2019, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được **UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông** (Nay là **UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng**) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2020.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **D** mãi chơi game không chịu đi làm, thường

xuyên nhậu nhẹt đi qua đêm không về, chị đã nhiều lần góp ý nhưng anh **D** không chịu thay đổi, không phụ giúp kinh tế gia đình, cũng như không phụ giúp chăm lo các con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2025 cho đến nay, trong thời gian ly thân đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh **D** để ổn định cuộc sống

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên **Đinh Hoàng Minh K**, sinh ngày 14/11/2020 và **Đinh Hoàng Anh K1**, sinh ngày 27/06/2024. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con/tháng (4.000.000 đồng/02 con/ tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Đối với bị đơn anh **Đinh Văn D***: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **D**. Về con chung chị yêu cầu được nuôi 02 con chung **Đinh Hoàng Minh K**, sinh ngày 14/11/2020 và **Đinh Hoàng Anh K1**, sinh ngày 27/06/2024 và yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 con/tháng (4.000.000 đồng/02 con/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, thực hiện vào ngày 10 hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung: chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Anh **Đinh Văn D** vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị **Nông Hoàng L** đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh **Đinh Văn D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các

thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nông Hoàng L** được ly hôn với anh **Đinh Văn D**. Về con chung: Giao 02 con chung **Đinh Hoàng Minh K**, sinh ngày 14/11/2020 và **Đinh Hoàng Anh K1**, sinh ngày 27/06/2024 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/01 con/tháng (4.000.000 đồng/02 con/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, thực hiện vào ngày 10 hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung: chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 04/11/2025 chị **Nông Hoàng L** nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng giải quyết việc ly hôn và nuôi con với anh **Đinh Văn D** do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh **Đinh Văn D** có nơi cư trú tại **Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn anh **Đinh Văn D** vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh **Đinh Văn D** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 06/10/2020 của **UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông** (Nay là **UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng**) thì chị **Nông Hoàng L** và anh **Đinh Văn D** là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên tòa chị **L** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **D** mãi chơi game không chịu đi làm, thường xuyên nhậu nhẹt đi qua đêm không về, chị đã nhiều lần góp ý nhưng anh **D** không chịu thay đổi, không phụ giúp kinh tế gia đình, cũng như không phụ giúp chăm lo các con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2025 cho đến nay, trong thời gian ly thân đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật anh **D** nhiều lần nhưng anh **D**

vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện anh **D** không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên anh **D** không còn tình cảm đối với chị **L**. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh **D** và chị **L** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **L**.

Về con chung: Trong quá trình sống chung anh **D** và chị **L** có 02 con chung là tên **Đình Hoàng Minh K**, sinh ngày 14/11/2020 và **Đình Hoàng Anh K1**, sinh ngày 27/06/2024. Khi ly hôn chị **L** yêu cầu được 02 nuôi con.

HĐXX xét thấy:

Đối với trẻ **Đình Hoàng Anh K1**, sinh ngày 27/06/2024 hiện nay dưới 36 tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn thì “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*” do đó yêu cầu của chị **L** được trực tiếp nuôi trẻ **Đình Hoàng A** Khôi sau khi ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với trẻ **Đình Hoàng Minh K**, sinh ngày 14/11/2020, từ trước tới nay chị **L** là người trực tiếp chăm sóc con ngay cả khi vợ chồng ly thân, để tạo điều kiện cho sự phát triển của trẻ nên giao trẻ **K** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con/tháng (4.000.000 đồng/02 con/tháng).

Căn cứ Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Nên sự cần thiết phải xem xét tính hợp lý về nhu cầu thiết yếu của hai trẻ **K**, **K1** để quyết định cho phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường tại địa phương nơi hai trẻ đang sinh sống, vừa đảm bảo cho trẻ đủ điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần vừa đảm bảo tính hợp lý cho người cấp dưỡng. Và căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình quy định như sau: “*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Theo công văn số 3541/SNV-LĐVL&TN ngày 12/12/2025 của **Sở Nội Vụ tỉnh L** về việc triển khai thực hiện mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động áp dụng từ ngày 01/01/2026, thì **xã N** thuộc vùng IV mức lương tối thiểu 3.700.000 đồng/tháng do đó yêu cầu của chị **L** yêu cầu anh **D** cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con/tháng (4.000.000 đồng/02 con/tháng) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nông Hoàng L** Ng Lan được ly hôn với anh **Đinh Văn D**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 06/10/2020 của **UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông** (Nay là **UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng**) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao 02 trẻ **Đinh Hoàng Minh K**, sinh ngày 14/11/2020 và **Đinh Hoàng Anh K1**, sinh ngày 27/06/2024 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con/tháng (4.000.000 đồng/02 con/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, thực hiện vào ngày 10 hàng tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể

thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Anh **D** có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, **Hội L1**), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

- Chị **Nông Hoàng L** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) mà chị **L** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007449 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho chị **L** số tiền còn lại là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Anh **Đinh Văn D** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **L** có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh **D** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 - Lâm Đồng;
- UBND xã Nam Dong;
- Phòng THADS khu vực 9 - Lâm Đồng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

